TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS - ST
Ngày 02- 11 - 2018
" V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hồng Yến là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng *tham gia phiên tòa:* ông Bùi Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 25 tháng 9, 22 tháng 10 và 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2017/TB-TLVA ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX - DS ngày 16 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số: 04/TB-TA ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần B, sinh năm 1954.
HKTT: Ấp D, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Tăng Thị L, sinh năm 1961.
Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn:

1/. Lâm Sơn N, sinh năm 1987;

2/. Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Khánh D, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Những người làm chứng:

1/. Nguyễn Huỳnh L, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường T, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Phùng Kiều T, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, phường T, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Phạm Thị D, sinh năm 1976.

4/ Đào Thị Diễm K, sinh năm 1991.

5/ Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1994.

6/ Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1981.

7/ Lâm Thị N, sinh năm 1986.

8/ Hồ Thị H, sinh năm 1962.

9/ Trần Thị Bé T, sinh năm 1983.

10/ Phan Tuấn H, sinh năm 1975.

11/ Hồ Thị Diễm M, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

12/ Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

13/ Phan Thị Thùy D, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

14/ Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

15/ Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Tăng Thị L có mặt tại phiên tòa; các bị đơn Nguyễn Thị H, Lâm Sơn N và tất cả những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Khánh D vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29-12-2017 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Tăng Thị L trình bày:

Vào ngày 10-7-2016 âl vợ chồng bà Nguyễn Thị H vay của ông Trần B số tiền là 60.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Chưa đến hạn trả thì sáng

ngày 04-8-2016 âl bà H có đến hỏi vay thêm 60.000.000đ, lãi suất thỏa thuận như vay lần đầu, thời hạn trả 01 tháng. Đến chiều ngày 04-8-2016 âl bà H có đến năn nỉ ông B vay tiếp số tiền 40.000.000đ, lãi suất như những lần đầu, thời hạn trả 15 ngày. Lúc vay tiền bà H bảo vay tiền để làm vốn đầu tư cho trường mầm non tư thục do bà mở tại khóm 3, thị trấn R. Tổng cộng 03 lần bà H vay là 160.000.000đ. Bà H vay được 02 ngày là tuyên bố bể nợ, sau đó bà H có trả tiền lãi cho ông B được 5 lần với tổng số tiền là 10.050.000đ, ông B thống nhất khấu trừ vào tiền gốc của biên nhận ngày 10-7-2016al còn lại số tiền gốc là 49.950.000đ và 100.000.000đ gốc của 02 biên nhận ngày 04-8-2016 âl. Ngoài ra, ông B thống nhất tính lãi trong hạn (0,75%) cho cả 3 biên nhận trên từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử.

Lãi được tính như sau:

Tiền lãi đối với số tiền 49.950.000đ còn lại của biên nhận 60.000.000đ ngày 10-7-2016al tính từ ngày 10-7-2016al tức là ngày 12-8-2016dl đến ngày xét xử 02-11-2018 là 26 tháng 20 ngày, tính tròn là 26 tháng x 49.950.000đ x 0,75% = 9.740.000đ;

Tiền lãi đối với số tiền 100.000.000đ của 02 biên nhận cùng ngày 04-8-2016al (biên nhận 60.000.000đ và biên nhận 40.000.000đ chung ngày) tức là 04-9-2016dl đến ngày xét xử 02-11-2018 là 25 tháng 28 ngày tính tròn là 25 tháng x 100.000.000 đồng x 0,75% = 18.750.000đ, tổng cộng tiền lãi là 28.490.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 178.440.000đ.

Ông B không thống nhất với yêu cầu phản tố của bà H và ông N về việc yêu cầu ông B trả tiền hụi còn thiếu 63.350.000đ, vì bà H và ông N không có chầu tiền hụi sống, khi tham gia hụi thì bà H có yêu cầu được tham gia, nhưng đến ngày hụi khui xong chầu tiền thì bà H không chầu, ông B phải chầu thay nên một hai tháng thì ông B không cho bà H tham gia nữa, theo quy định thì khi chầu hụi sống ông B đều đưa biên nhận cho người chầu tiền, bà không chầu tiền hụi sống nên không có biên nhận do ông B nhận.

- Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 06-4-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận là có vay của ông B 03 lần tổng cộng 160.000.000đ gốc với lãi là 30%/tháng (tức 1.000.0000đ thì lãi mỗi ngày là 10.000đ) và đóng lãi cho bà D con ông B từ ngày vay đến ngày 12-10-2016 âl nhưng không có giấy tờ, từ ngày 12-10-2016 âl đến ngày 22-10-2016 âl trả lãi cho ông B số tiền 14.200.000đ có giấy tờ. đối với việc đóng lãi cho bà D con ông B không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu xem xét. Đối với việc trả lãi cho ông B tổng cộng 14.200.000đ nhưng ông B chỉ ký tổng cộng là 10.050.000đ nên thống nhất. Nhưng qua việc thay đổi ý kiến của ông B đồng ý trừ phần lãi bà H đã đóng vào vốn gốc và tính lãi 0,75%/ tháng cho toàn bộ số tiền trên nên bà H đồng ý trả theo yêu cầu của ông Bg. Nhưng bà H và ông N có yêu cầu phản tố là yêu

cầu ông B trả lại số tiền đã chầu hụi sống cho ông B là 63.350.000đ.

- Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 06-4-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Lâm Sơn N trình bày:

Ông N thống nhất theo ý kiến của vợ là bà H và thống nhất cùng bà H trả nợ cho ông B. Nhưng ông N và bà H có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông B trả lại số tiền đã chầu hụi sống cho ông B là 63.350.000đ.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Khánh D trình bày:

Bà D cho rằng không liên quan trong việc vay tiền giữa bà H và cha bà D là ông B, bà D cũng không nhận tiền lãi như bà H khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn Nguyễn Thị H và Lâm Sơn N có trách nhiệm trả cho ông Trần B tiền vay vốn gốc là 149.950.000đ và tiền lãi theo quy định; Đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn thì đình chỉ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vì các bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-9-2017 của nguyên đơn ông Trần B nộp trực tiếp tại Tòa án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lâm Sơn Nvà bà Nguyễn Thị H. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nên xét thấy đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và người bị kiện có địa chỉ cư trú tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Giao dịch dân sự (Vay) giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2017) nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thời gian hai bên giao dịch là tháng 7 và tháng 8 năm 2016 âm lịch, tức tháng 8 và tháng 9 năm 2016 dương lịch. Như vậy tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 05-10-2017 là không quá 03 năm. Nên theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Tại phiên tòa các bị đơn Nguyễn Thị H và Lâm Sơn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Khánh D vắng mặt có đơn xin vắng mặt và những người làm chứng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Trần B yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Lâm Sơn N trả tiền vay còn thiếu gốc là 149.950.000đ (sau khi đã trừ số tiền lãi đã nhận 10.050.000đ vào vốn gốc), lãi là 28.490.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 178.440.000đ (Đến ngày xét xử).

Ý kiến của bị đơn là bà H và ông N thừa nhận là có vay của ông B 160.000.000đ và đã trả được 10.050.000đ và thống nhất việc nguyên đơn trừ tiền đã trả vào vốn gốc và tính lãi 0,75%/tháng.

Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà H đã thống nhất nợ gốc và lãi tại biên bản hòa giải ngày 23-3-2018 (bút lục 88,89), nhưng tại buổi hòa giải này vắng mặt bị đơn là ông N nên nội dung hòa giải không thành. Đến ngày 06-4-2018 thì bà H và ông N có đơn yêu cầu phản tố, trong đơn ông N cũng thừa nhận là vợ chồng có vay của ông B gốc là 160.000.000đ và tại buổi hòa giải ngày 09-11-2017 (bút lục 47,48) ý kiến của ông N cũng thống nhất theo ý kiến của bà H và đồng ý cùng bà H trả nợ cho ông B. Do vậy, đối với số tiền vay ông B yêu cầu bà H và ông N trả gốc còn 149.950.000đ đã được bị đơn thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên buộc bị đơn là ông N và bà H có trách nhiệm liên đới trả tiền vay còn thiếu vốn gốc 149.950.000đ cho ông B theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng trên số tiền gốc từ khi vay đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng là thấp hơn lãi

suất theo quy định tại Điều Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 là có lợi cho bị đơn. Nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Lãi được tính như sau:

Tiền lãi đối với số tiền 49.950.000đ của biên nhận ngày 10-7-2016al tính từ ngày 10-7-2016al tức là ngày 12-8-2016dl đến ngày xét xử 02-11-2018 là 26 tháng 20 ngày, tính tròn là 26 tháng x 49.950.000đ x 0,75% = 9.740.000đ;

Tiền lãi đối với số tiền 100.000.000đ của 02 biên nhận ngày 04-8-2016al (biên nhận 60.000.000đ và biên nhận 40.000.000đ chung ngày) tức là 04-9-2016dl đến ngày xét xử 02-11-2018 là 25 tháng 28 ngày tính tròn là 25 tháng x 100.000.000 đồng x 0,75% = 18.750.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 28.490.000đ.

Vậy buộc bà H và ông N có trách nhiệm liên đới trả cho ông B tiền vay còn thiếu vốn gốc là 149.950.000đ và lãi là 28.490.000đ. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 178.440.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn là bà H và ông N có yêu cầu phản tố buộc ông B trả số tiền hụi sống đã chầu là 63.350.000đ. Tòa án đã thụ lý theo quy định, nhưng đã hai lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H và ông N vẫn không có mặt. Đến phiên tòa ngày 25-9-2018 bà H có mặt và yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết yêu cầu phản tố, nhưng do yêu cầu phản tố của bà H ông N chưa được hòa giải mà tại phiên tòa không có mặt ông N, hơn nữa tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ mới. Nên HĐXX quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh chứng cứ mới mà nguyên đơn mới cung cấp. Đồng thời, để hòa giải lại yêu cầu phản tố của bị đơn. Nhưng sau đó triệu tập 02 lần bị đơn là bà H và ông N đều không có mặt, kể cả triệu tập hợp lệ tại phiên tòa ngày 22-10-2018 và ngày hôm nay 02-11-2018 các bị đơn đều vắng mặt mà không có lý do chính đáng và cũng không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Tòa án cũng như Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện để cho bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình rất nhiều lần nhưng các bị đơn vẫn cố tình không thực hiện. Do đó, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự được coi là các bị đơn từ bỏ yêu cầu phản tố. Nên đình chỉ yêu cầu phản tố của các bị đơn đối với nguyên đơn. Các bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo thủ tục chung.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn Nguyễn Thị H và Lâm Sơn N có

trách nhiệm trả cho ông Trần B tiền vay vốn gốc là 149.950.000đ và tiền lãi theo quy định; Đình chỉ yêu cầu phản tố của các bị đơn.

Từ những phân tích trên phần nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị H và ông Lâm Sơn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ trả nợ là 178.440.000đ x 5% = 8.922.000đ.

Đối với tiền tạm ứng án phí ông N và bà H đã nộp cho yêu cầu phản tố được sung vào công quỹ nhà nước.

Ông Trần B và bà Trần Khánh D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 217, 218, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 429, 688 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lâm Sơn N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần B tiền vay còn thiếu vốn gốc là 149.950.000đ và lãi là 28.490.000đ. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 178.440.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu buộc nguyên đơn trả số tiền chầu hụi 63.350.000đ. Các bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố đó theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lâm Sơn N phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.922.000đ (Tám triệu chín trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Sung công quỹ nhà nước đối với số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H và ông Lâm Sơn N đã nộp 1.584.000đ theo biên lai thu số BN/2013 03992 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Ông Trần B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông B là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt vấn đề xử lý.

Bà Trần Khánh D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02-11-2018). Các bị đơn Nguyễn Thị H, Lâm Sơn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Khánh D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Thùy Dung